TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Hoàng Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Nga

2. Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐST–HNGĐ ngày 26/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Hữu Tâm Đ (tên gọi khác Út)**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 139/7 đường P, khu phố T, phường Q, Tp G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 139/7 đường P, khu phố T, phường Q, Tp G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 02 năm 2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Hữu Tâm Đ trình bày: Bà Đ và ông T tự tìm hiểu yêu thương nhau vào và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố G và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2012.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại số 139/7 đường P, khu phố T, phường Q, Tp G, tỉnh Kiên Giang.

Lý do ly hôn: Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, ông T không quan tâm đến vợ con, ông T thường xuyên bỏ nhà đi không về, vợ chồng thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, nhiều lần cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà Đ yêu cầu được ly

hôn với ông T.

Về con chung: Bà Đ xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Đăng K, sinh ngày 22/02/2014, hiện cháu K đang sống cùng bà Đ. Bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn ông Nguyễn Văn T** vắng mặt không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ và niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật nhưng ông T đã vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bà Lê Hữu Tâm Đ có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn Nguyễn Văn T đã được tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết công khai nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn, nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hữu Tâm Đ và ông Nguyễn Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau vào và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố G và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/12/2012 là phù hợp theo quy định pháp luật được quy định tại Điều 11 Bộ luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[3] Tại phiên Tòa hôm nay bà Đ trình bày: Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, ông T không quan tâm đến vợ con, ông T thường xuyên bỏ nhà đi không về, vợ chồng thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, nhiều lần cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T, xét thấy cần áp dụng Điều 89 và Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Đ xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Đăng K, sinh ngày 22/02/2014, hiện cháu K đang sống cùng bà Đ. Bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy cháu K từ nhỏ sống chung với bà Đ và được bà Đ chăm sóc chu

đáo vả lại ông T cũng thường xuyên bỏ nhà đi không chăm sóc con chung cùng bà Đ nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà Đ được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Lê Đăng K, sinh ngày 22/02/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông T có chứng cứ tranh chấp về nợ và tài sản chung thì ông T có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Về án phí: Bà Lê Hữu Tâm Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0004651 ngày 08/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28; 147; 227**;** 266; 267; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 8; 9; 51; 54, 57, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Hữu Tâm Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Hữu Tâm Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Đăng K, sinh ngày 22/02/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Đ và các thành viên trong gia đình không có quyền ngăn cản việc ông T đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông T có chứng cứ tranh chấp về nợ và tài sản chung thì ông T có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Về án phí: Bà Lê Hữu Tâm Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0004651 ngày 08/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nếu đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành ánh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đ/sự;
- VKS Tp Rạch Giá;
- TA tỉnh;
- THA Tp Rạch Giá;
- UBND phường Vĩnh Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Hoàng Chân